TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn,
Tranh chấp về nuôi con"

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1985 (Có mặt).

Cư trú: Số 745, ấp T, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Gương E, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cư trú: Số 745, ấp T, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn anh Phạm Ngọc D trình bày: Anh và chị Trương Thị Gương E do mai mối và tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ không quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng nên vợ về nhà cha mẹ ruột sống từ đó đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Gương E. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2012 và Phạm Hải Đ, sinh ngày 31/12/2015 (02 con chung hiện do anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Gương E cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Trương Thị Gương E được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Gương E vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Tại phiên tòa anh D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Anh Phạm Ngọc D và chị Trương Thị Gương E kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 13/3/2012, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh D cho rằng: Vợ chồng mâu thuẫn và ly thân khoảng 01 năm, nguyên nhân do không cùng quan điểm, thường cãi nhau. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, anh D yêu cầu ly hôn với chị Gương E.

Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân đến nay, chị Gương E biết việc anh D gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến và không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc. Mặt khác, anh D xác định không còn tình cảm với chị Gương E, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Nên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị Gương E.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2012, Phạm Hải Đ, sinh ngày 31/12/2015. Hiện, sống chung với anh D, yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân, chị Gương E bỏ nhà đi, các cháu T và Đ sống chung với anh D vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, chị Gương E không có ý kiến về việc nuôi con nên tiếp tục giao cháu T và Đ cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phạm Ngọc D yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Gương E, chị Gương E có nơi cư trú ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Trương Thị Gương E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Gương E là có căn cứ.

[3] Anh Phạm Ngọc D yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Gương E. Anh D và chị Gương E có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh D trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ không quan tâm gia đình, đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Gương E. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc anh D yêu cầu ly hôn và triệu tập chị Gương E tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị Gương E vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh D. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh D và chị Gương E đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, chị Gương E không quan tâm gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Bên cạnh đó, trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu trong sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Ngọc D là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2012 và Phạm Hải Đ, sinh ngày 31/12/2015 (02 con chung hiện do anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu T, cháu Đ do anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu và trong quá trình giải quyết chị Gương E cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu về việc được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung của anh D. Do đó, để anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ là phù hợp với với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh D không yêu cầu chị Gương E cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Anh D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Anh D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc D đối với chị Trương Thị Gương E.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc D được ly hôn với chị Trương Thị Gương E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27/GKH/2012, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây, thị xã Cao Lãnh (Nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Anh Phạm Ngọc D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 01/6/2012 và Phạm Hải Đ, sinh ngày 31/12/2015 (02 con chung hiện do anh D chăm sóc, nuôi dưỡng).

Anh Phạm Ngọc D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trương Thị Gương E trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Phạm Ngọc D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0012432 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 08/01/2019. Anh D đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Tân Thuận Tây,
TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư